

XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG FINTECH VÀ TĂNG TRƯỞNG TẠI VIỆT NAM: SỰ PHÁT TRIỂN, ĐỘNG LỰC CHÍNH VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN HÒA NHẬP TÀI CHÍNH

Ths. Ngô Minh Trang*

Nghiên cứu này xem xét các xu hướng và sự tăng trưởng của thị trường công nghệ tài chính tại Việt Nam, giải quyết khoảng cách trong việc hiểu cách thức ngân hàng số và thanh toán di động tác động đến sự hòa nhập tài chính. Nghiên cứu nhằm mục đích phân tích các động lực chính của sự mở rộng công nghệ tài chính, đánh giá các thách thức về quy định và khám phá vai trò của công nghệ tài chính trong việc tiếp cận các nhóm dân số chưa được tiếp cận dịch vụ ngân hàng. Sử dụng phương pháp nghiên cứu tại bàn, nghiên cứu tổng hợp các bài báo, báo cáo của ngành, chính sách của chính phủ và dữ liệu tài chính để đánh giá việc áp dụng công nghệ tài chính. Các phát hiện cho thấy sự tăng trưởng nhanh chóng trong thanh toán kỹ thuật số, ngân hàng di động và các công ty khởi nghiệp công nghệ tài chính cải thiện đáng kể khả năng tiếp cận tài chính ở các vùng nông thôn. Tuy nhiên, rủi ro an ninh mạng, khuôn khổ pháp lý chưa hoàn thiện và khoảng cách về hiểu biết tài chính vẫn tạo ra những thách thức đáng kể. Kết quả cho thấy nhu cầu về các quy định chặt chẽ hơn, đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật số và giáo dục tài chính để đảm bảo sự phát triển bền vững và toàn diện của công nghệ tài chính tại Việt Nam.

• Từ khóa: công nghệ tài chính, fintech, ngân hàng số.

This study examines fintech market trends and growth in Vietnam, addressing the gap in understanding how digital banking and mobile payments impact financial inclusion. The research aims to analyze key drivers of fintech expansion, assess regulatory challenges, and explore the role of fintech in providing access to financial services for unbanked populations. Using a desk research methodology, the study synthesizes academic articles, industry reports, government policies, and financial data to evaluate fintech adoption. Findings indicate rapid growth in digital payments, mobile banking, and fintech startups, significantly improving financial access in rural areas. However, cybersecurity risks, an incomplete regulatory framework, and financial literacy gaps remain significant challenges. The results highlight the need for stricter regulations, investment in digital infrastructure, and financial education to ensure the sustainable and inclusive development of fintech in Vietnam.

• Key words: fintech, financial technology, digital banking.

JEL codes: D53

Ngày gửi bài: 02/01/2025

Ngày gửi phản biện: 03/02/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 14/3/2025

Ngày chấp nhận đăng: 20/5/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i290.05>

* Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; email: minhtrang2708@gmail.com

1. Giới thiệu

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã chứng kiến sự chuyển đổi số nhanh chóng, được thúc đẩy bởi sự phát triển của dịch vụ viễn thông, việc sử dụng điện thoại thông minh rộng rãi và dân số trẻ, am hiểu công nghệ. Hệ sinh thái fintech tại Việt Nam đã mở rộng đáng kể với các phân khúc chính bao gồm: thanh toán kỹ thuật số, cho vay ngang hàng (P2P), insurtech, blockchain và ngân hàng kỹ thuật số (Trinh & Nguyen, 2023). Theo Ngân hàng nhà nước Việt Nam (SBV), số lượng các công ty fintech trong nước đã tăng từ dưới 40 vào năm 2016 lên hơn 200 vào năm 2024, phản ánh một ngành công nghiệp năng động và đang phát triển (SBV, 2024).

Ngành công nghiệp công nghệ tài chính của Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc hiện đại hóa hệ thống ngân hàng truyền thống, tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính và giảm sự phụ thuộc vào giao dịch tiền mặt. Chính phủ đã tích cực thúc đẩy tài chính số thông qua các sáng kiến như Chương trình chuyển đổi số quốc gia và ban hành các văn bản quy phạm pháp lý nhằm mục đích tạo ra một hệ thống tài chính toàn diện và hiệu quả hơn (Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam, 2022).

Sự hòa nhập tài chính vẫn là một thách thức đối với Việt Nam, nơi gần 30% dân số trưởng thành vẫn chưa được tiếp cận dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là

ở các vùng nông thôn và vùng sâu, vùng xa (World Bank, 2023). Các giải pháp công nghệ tài chính, đặc biệt là thanh toán di động, ngân hàng số và nền tảng cho vay thay thế đã đóng vai trò quan trọng trong việc thu hẹp khoảng cách này bằng cách cung cấp các dịch vụ tài chính dễ tiếp cận, chi phí thấp cho các nhóm dân số chưa được phục vụ đầy đủ (Nguyen & Pham, 2022). Việc áp dụng rộng rãi các ví điện tử như MoMo, ZaloPay và VNPAY đã đẩy nhanh các giao dịch không dùng tiền mặt, trong khi các nền tảng cho vay kỹ thuật số cung cấp quyền truy cập tín dụng cho các cá nhân và doanh nghiệp nhỏ có thể không đủ điều kiện để vay vốn ngân hàng truyền thống (KPMG Vietnam, 2023).

Với sự phát triển nhanh chóng của lĩnh vực công nghệ tài chính tại Việt Nam trong năm năm qua, việc phân tích các xu hướng thị trường, các động lực chính và vai trò của công nghệ tài chính trong việc hòa nhập tài chính là rất quan trọng. Trong khi các nghiên cứu trước đây đã khám phá sự phát triển của công nghệ tài chính trong bối cảnh ASEAN rộng lớn hơn thì nghiên cứu tập trung vào môi trường pháp lý đặc thù của Việt Nam, mô hình áp dụng của người tiêu dùng và xu hướng đầu tư vẫn còn hạn chế (Do & Le, 2021). Do vậy, bài viết này được thực hiện nhằm mục đích:

(i) Xem xét sự phát triển của ngành công nghiệp công nghệ tài chính Việt Nam từ năm 2019 đến năm 2024, xác định những diễn biến chính và sự thay đổi của thị trường.

(ii) Phân tích các động lực chính thúc đẩy tăng trưởng công nghệ tài chính, bao gồm khuôn khổ pháp lý, áp dụng công nghệ số và xu hướng đầu tư.

(iii) Đánh giá tác động của ngân hàng số và thanh toán di động đối với khả năng tiếp cận tài chính.

Bằng cách đạt được các mục tiêu kể trên, bài viết này đóng góp vào các tài liệu học thuật về chuyển đổi tài chính số và hòa nhập tài chính tại các thị trường mới nổi.

2. Khái quát sự phát triển của ngành công nghiệp Fintech tại Việt Nam trong 5 năm qua

2.1. Lịch sử phát triển của Fintech tại Việt Nam

Ngành công nghiệp công nghệ tài chính của Việt Nam đã trải qua quá trình chuyển đổi đáng kể trong năm năm qua, từ năm 2019 đến năm 2024 công nghệ tài chính đã phát triển từ một lĩnh vực mới nổi chủ yếu tập trung vào thanh toán kỹ thuật số thành một hệ sinh thái đa dạng bao gồm ngân hàng kỹ thuật số, cho vay ngang hàng (P2P), công nghệ bảo hiểm, blockchain và các giải pháp tài chính nhúng (Nguyen & Pham, 2022).

Năm 2019, lĩnh vực công nghệ tài chính của Việt Nam chủ yếu tập trung vào thanh toán kỹ thuật số với các ví điện tử như MoMo, ZaloPay và VNPAY dẫn đầu thị trường. SBV khuyến khích áp dụng thanh toán kỹ thuật số bằng cách thúc đẩy các giao dịch không dùng tiền mặt, đặc biệt là ở các khu vực thành thị (SBV, 2020).

Đến năm 2020, đại dịch COVID-19 đã thúc đẩy quá trình chuyển đổi số khi người tiêu dùng và doanh nghiệp ngày càng phụ thuộc vào thanh toán không tiếp xúc và ngân hàng trực tuyến. Giai đoạn đại dịch chứng kiến sự gia tăng trong việc áp dụng thanh toán bằng mã QR, ví di động và các dịch vụ tài chính liên kết với thương mại điện tử, dẫn đến giao dịch số tăng 40% so với năm trước (World Bank, 2021).

Vào năm 2021 và 2022, chính phủ Việt Nam đã đưa ra các khuôn khổ pháp lý thử nghiệm để hỗ trợ đổi mới công nghệ tài chính, đặc biệt là trong cho vay ngang hàng, ngân hàng số và ứng dụng blockchain (Bộ Tài chính, 2022). Sự trỗi dậy của các ngân hàng số như Timo, Cake by VPBank và TNEX đã đánh dấu sự chuyển dịch sang các giải pháp ngân hàng số hoàn toàn, cung cấp các dịch vụ tài chính liền mạch mà không cần chi nhánh vật lý.

Trong giai đoạn 2023-2024, ngành công nghiệp công nghệ tài chính của Việt Nam mở rộng hơn nữa với việc tăng cường đầu tư vào công nghệ blockchain, công nghệ bảo hiểm và tài chính nhúng. Chính phủ tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ quản lý công nghệ tài chính, đặc biệt là trong các lĩnh vực liên quan đến tiền điện tử, ngân hàng mở và bảo mật dữ liệu (Trinh & Le, 2024).

2.2. Quy mô thị trường và xu hướng tăng trưởng

Thị trường thanh toán số của Việt Nam đang mở rộng với tốc độ chưa từng có, được thúc đẩy bởi ví điện tử, ngân hàng di động và thanh toán mã QR. Năm 2022, giao dịch không dùng tiền mặt tăng 86% về khối lượng và 31,39% về giá trị. Ngoài ra, 48% dân số tham gia thanh toán số cho các giao dịch mua hàng trực tuyến, tăng đáng kể so với mức 15% vào năm 2017 (World Bank, 2022). Theo SBV, trong nửa đầu năm 2024 đã có 7,83 tỷ giao dịch không dùng tiền mặt với tổng giá trị là 134,9 triệu tỷ đồng, tăng 58,23% về khối lượng và tăng 35,01% về giá trị so với cùng kỳ năm 2023. Các phương thức giao dịch chính bao gồm giao dịch ngân hàng trực tuyến, tăng 49,97% về khối lượng và 32,13% về giá trị; giao dịch ngân hàng di động, tăng 59,3% về khối lượng và 38,53% về giá trị; và giao dịch mã QR, tăng vọt 104,2% về khối lượng và 99,5% về giá trị (Đoàn Hằng, 2024). Việc

áp dụng ví điện tử ngày càng tăng là một chỉ báo khác về sự chuyển dịch sang thanh toán kỹ thuật số này. Một cuộc khảo sát của Visa cho thấy 76% người tiêu dùng Việt Nam sử dụng ví điện tử và 82% thích các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt hơn tiền mặt. Những con số này chứng minh rằng người tiêu dùng rất ưa chuộng các giao dịch kỹ thuật số thuận tiện và an toàn.

Ngành công nghệ tài chính của Việt Nam đang thu hút nguồn đầu tư mạo hiểm (VC) đáng kể. Năm 2020, thị trường công nghệ tài chính của quốc gia được định giá 7,8 tỷ đô la, với hàng trăm triệu đô la được huy động thông qua các đợt sáp nhập, mua lại và huy động vốn. Đến năm 2022, tổng giá trị giao dịch của thị trường công nghệ tài chính Việt Nam đạt 22,6 tỷ đô la, tăng 4,6 tỷ đô la so với năm 2021. Theo BDA Partners, con số này tăng lên 27,2 tỷ đô la vào năm 2023 và sẽ đạt khoảng 36 tỷ đô la vào năm 2025. Sự tăng trưởng này chủ yếu do các khoản đầu tư vào thanh toán kỹ thuật số, blockchain và các giải pháp tài chính thay thế cũng như các sáng kiến của chính phủ nhằm tăng cường hòa nhập tài chính và chuyển đổi số.

Việc ưu tiên hòa nhập tài chính thông qua công nghệ tài chính, mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính ở vùng nông thôn và các khu vực chưa được phục vụ đầy đủ. Một bước phát triển đáng kể trong nỗ lực này là sự ra đời của Mobile Money cho phép người dùng thực hiện giao dịch mà không cần tài khoản ngân hàng truyền thống. Tính đến năm 2024, số lượng tài khoản Mobile Money đã đăng ký đạt 9,13 triệu, với 72% người dùng ở các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa và biên giới (Đoàn Hằng, 2024). Xu hướng này phù hợp với tầm nhìn của chính phủ Việt Nam về việc mở rộng khả năng tiếp cận tài chính và giảm sự phụ thuộc vào tiền mặt, đặc biệt là ở những khu vực mà cơ sở hạ tầng ngân hàng thông thường còn hạn chế.

3. Các động lực chính thúc đẩy tăng trưởng Fintech tại Việt Nam

3.1. Hỗ trợ pháp lý và chính sách của chính phủ

Hiện nay các quy định pháp lý điều chỉnh lĩnh vực Fintech nằm rải rác trong các văn bản quy phạm pháp luật, như Luật Giao dịch điện tử; Luật Công nghệ thông tin; Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/2/2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính; Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 8/3/2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng; Thông tư số 18/2018/TT-NHNN ngày 21/8/2018 về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng...

Bên cạnh đó, một bước tiến đáng kể trong quy định về công nghệ tài chính của Việt Nam là chương

trình thử nghiệm công nghệ tài chính được đưa ra vào năm 2020. Chương trình này cung cấp một môi trường được kiểm soát cho các công ty công nghệ tài chính thử nghiệm các giải pháp sáng tạo trong các lĩnh vực như cho vay ngang hàng (P2P), ngân hàng số và ứng dụng blockchain. Khung thử nghiệm đã cho phép các công ty công nghệ tài chính thử nghiệm các sản phẩm tài chính mới trong điều kiện được giám sát, đẩy nhanh việc giới thiệu các công nghệ thanh toán và mô hình cho vay mới (SBV, 2023).

Ngoài các quy định dành riêng cho fintech, chính phủ đã tích cực thúc đẩy chuyển đổi số thông qua các sáng kiến như Chương trình chuyển đổi số quốc gia (NDTP) 2025 nhằm mục đích đưa Việt Nam trở thành quốc gia đi đầu về kinh tế số. NDTP khuyến khích áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt, hệ thống e-KYC (Biết khách hàng điện tử) và khuôn khổ ngân hàng mở tạo điều kiện thuận lợi cho sự tích hợp lớn hơn giữa các công ty fintech và các tổ chức tài chính truyền thống (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2022).

3.2. Việc áp dụng kỹ thuật số và hành vi của người tiêu dùng

Việc áp dụng nhanh chóng các dịch vụ công nghệ tài chính tại Việt Nam có liên quan chặt chẽ đến sự gia tăng về mức độ thâm nhập internet và sử dụng điện thoại thông minh. Tính đến năm 2024, cả nước có hơn 75 triệu người dùng internet với mức sử dụng điện thoại thông minh vượt quá 80% tạo ra nền tảng vững chắc cho các dịch vụ tài chính kỹ thuật số (Statista, 2024). Sự phổ biến rộng rãi của điện thoại thông minh giá cả phải chăng và các gói dữ liệu di động phù hợp đã cho phép một bộ phận lớn hơn dân số tiếp cận ngân hàng di động, ví kỹ thuật số và nền tảng cho vay trực tuyến.

Một động lực chính khác thúc đẩy việc áp dụng fintech là sự phát triển của thương mại điện tử, điều này đã thúc đẩy nhu cầu về các giải pháp thanh toán kỹ thuật số. Thị trường thương mại điện tử của Việt Nam dự kiến sẽ đạt 39 tỷ đô la vào năm 2025 với các nền tảng như Shopee, Lazada và Tiki tích hợp các dịch vụ fintech như Mua trước trả sau và các giải pháp tài chính nhúng (Google và cộng sự, 2023). Việc tích hợp liền mạch ví điện tử với các nền tảng mua sắm trực tuyến đã củng cố thêm niềm tin của người tiêu dùng vào các giao dịch kỹ thuật số, thúc đẩy việc áp dụng fintech vượt ra khỏi các trung tâm đô thị đến các vùng nông thôn và các khu vực miền núi.

3.3. Xu hướng đầu tư và vốn mạo hiểm

Sự phát triển của lĩnh vực công nghệ tài chính tại Việt Nam được hỗ trợ bởi các khoản đầu tư mạo

hiểm ngày càng tăng, với các nhà đầu tư trong và ngoài nước đều nhận ra tiềm năng của các công ty khởi nghiệp công nghệ tài chính tại Việt Nam. Chỉ tính riêng năm 2023, các công ty công nghệ tài chính tại Việt Nam đã huy động được hơn 450 triệu đô la tiền tài trợ, tăng 30% so với cùng kỳ năm trước (PwC Vietnam, 2024).

Các nhà đầu tư chính vào thị trường công nghệ tài chính của Việt Nam bao gồm VinaCapital Ventures, IDG Ventures, Sequoia Capital và Warburg Pincus với các vòng gọi vốn tập trung vào thanh toán kỹ thuật số, cho vay thay thế và công nghệ blockchain. Các vòng gọi vốn công nghệ tài chính đáng chú ý trong những năm gần đây bao gồm: Khoản tài trợ Series E trị giá 200 triệu đô la của MoMo (năm 2022) do Warburg Pincus dẫn đầu được sử dụng để mở rộng hệ sinh thái dịch vụ tài chính của công ty; hay khoản đầu tư 20 triệu đô la của Timo (năm 2023) để nâng cao cơ sở hạ tầng ngân hàng số; và Sky Mavis (Axie Infinity) huy động 150 triệu đô la (năm 2022) cho các ứng dụng blockchain và tài chính phi tập trung (DeFi).

4. Tác động của ngân hàng số và thanh toán di động đến hòa nhập tài chính

4.1. Vai trò của ngân hàng số trong việc mở rộng dịch vụ tài chính

Sự xuất hiện của các ngân hàng kỹ thuật số đã góp phần đáng kể vào việc cải thiện khả năng tiếp cận tài chính tại Việt Nam. Các mô hình ngân hàng truyền thống thường áp đặt các rào cản như phí cao, yêu cầu về giấy tờ nghiêm ngặt và khả năng tiếp cận vật lý hạn chế ở các vùng nông thôn. Ngược lại, các ngân hàng kỹ thuật số cung cấp các dịch vụ thân thiện với người dùng, chi phí thấp thông qua các ứng dụng di động, loại bỏ nhu cầu về các chi nhánh vật lý. Các ví dụ đáng chú ý bao gồm Timo, Cake by VPBank và TNEX, cung cấp dịch vụ mở tài khoản hoàn toàn kỹ thuật số, ngân hàng di động và các dịch vụ tài chính tích hợp. Các nền tảng này đã chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể, với Timo vượt qua một triệu người dùng vào năm 2023 (Statista, 2023).

Các giải pháp công nghệ tài chính đã đóng vai trò quan trọng trong việc thu hẹp khoảng cách tiếp cận tài chính, đặc biệt là đối với những nhóm dân số khó tiếp cận dịch vụ ngân hàng. Theo World Bank (2022), khoảng 30% dân số trưởng thành của Việt Nam vẫn chưa được tiếp cận dịch vụ ngân hàng, chủ yếu là do hạn chế về mặt địa lý và thiếu giấy tờ bắt buộc. Các nền tảng ngân hàng số, được hỗ trợ bởi công nghệ e-KYC đã cho phép các cá nhân mở tài khoản ngân hàng từ xa, giảm đáng kể các rào cản gia nhập.

Ngoài ra, các công ty công nghệ tài chính cung cấp các khoản vay nhỏ, công cụ tiết kiệm và các lựa chọn đầu tư, phục vụ cho các cá nhân và doanh nghiệp nhỏ không có khả năng tiếp cận tín dụng truyền thống.

4.2. Sự phát triển của thanh toán di động và tác động của chúng đến giao dịch không dùng tiền mặt

Thanh toán di động đã trở thành nền tảng của nền kinh tế không dùng tiền mặt tại Việt Nam, được thúc đẩy bởi việc áp dụng rộng rãi ví điện tử và giao dịch mã QR. Các nền tảng thanh toán đã thu hút hàng triệu người dùng, cho phép chuyển tiền ngang hàng (P2P) liền mạch, thanh toán hóa đơn và mua hàng tại cửa hàng. Đến năm 2023, hơn 76% người tiêu dùng Việt Nam sử dụng ví điện tử và các giao dịch dựa trên mã QR tăng hơn 100% so với cùng kỳ năm trước (SBV, 2024).

Việc áp dụng nhanh chóng thanh toán di động đã có tác động sâu sắc đến các doanh nghiệp nhỏ và nền kinh tế nông thôn. Nhiều doanh nghiệp siêu nhỏ, trước đây chỉ dựa vào giao dịch tiền mặt, hiện chấp nhận thanh toán kỹ thuật số cải thiện hiệu quả giao dịch và minh bạch tài chính. Ở các vùng nông thôn, các nền tảng thanh toán di động cung cấp quyền truy cập tài chính cho những cá nhân không có tài khoản ngân hàng, cho phép họ thực hiện giao dịch và nhận kiều hối kỹ thuật số. Sự ra đời của Tiền di động cho phép người dùng gửi và nhận tiền mà không cần tài khoản ngân hàng đã mở rộng hơn nữa sự hòa nhập tài chính với hơn 9,13 triệu tài khoản Tiền di động được đăng ký vào năm 2024, trong đó 72% thuộc về người dùng ở các vùng nông thôn và vùng chưa được phục vụ đầy đủ (Đoàn Hằng, 2024).

4.3. Thách thức và rủi ro trong việc phát triển tài chính toàn diện do Fintech thúc đẩy

Trong khi công nghệ tài chính đã đóng góp đáng kể vào việc hòa nhập tài chính, nó cũng mang đến rủi ro về an ninh mạng và gian lận. Sự gia tăng của các giao dịch kỹ thuật số đã dẫn đến sự gia tăng các cuộc tấn công lừa đảo, đánh cắp danh tính và các giao dịch trái phép. Vào năm 2023, Việt Nam ghi nhận mức tăng 40% các vụ gian lận thanh toán kỹ thuật số, làm nổi bật nhu cầu về các biện pháp bảo mật nâng cao như xác thực đa yếu tố (MFA), xác minh sinh trắc học và hệ thống phát hiện gian lận do AI điều khiển (KPMG Vietnam, 2023). Đảm bảo các khuôn khổ an ninh mạng mạnh mẽ là rất quan trọng để duy trì niềm tin của người tiêu dùng vào các dịch vụ tài chính kỹ thuật số.

Những thách thức về quy định cũng đặt ra rào cản đáng kể trong việc cân bằng giữa đổi mới công nghệ tài chính và bảo vệ người tiêu dùng. Trong khi SBV đã đưa ra các chương trình thử nghiệm để tạo điều

kiện cho sự phát triển của công nghệ tài chính, vẫn còn những khoảng trống trong các quy định về tiền điện tử, giám sát cho vay ngang hàng và luật bảo mật dữ liệu. Việc cân bằng giữa khuyến khích đổi mới và bảo vệ quyền của người dùng là điều cần thiết cho sự phát triển bền vững của hệ sinh thái công nghệ tài chính tại Việt Nam.

Một thách thức quan trọng khác là kiến thức tài chính vẫn là rào cản đối với việc áp dụng công nghệ tài chính trong nhóm dân số thu nhập thấp và nông thôn. Nhiều cá nhân thiếu nhận thức về các công cụ tài chính kỹ thuật số, các biện pháp thực hành an ninh mạng và thói quen vay có trách nhiệm. Để giải quyết những khoảng cách này, cần có các chương trình giáo dục tài chính trên toàn diện, sự hợp tác giữa các công ty công nghệ tài chính với các cơ quan chính phủ và việc tích hợp các giải pháp công nghệ tài chính thân thiện với người dùng phù hợp với các phân khúc người tiêu dùng khác nhau.

5. Kết luận và khuyến nghị

Ngành công nghệ tài chính của Việt Nam đã có sự tăng trưởng đáng kể trong những năm gần đây nhờ vào những tiến bộ công nghệ, việc áp dụng kỹ thuật số ngày càng tăng và các chính sách hỗ trợ của chính phủ. Quốc gia này đã được xem như một trong những thị trường công nghệ tài chính phát triển nhanh nhất Đông Nam Á với sự mở rộng đáng kể về thanh toán kỹ thuật số, ngân hàng số, cho vay ngang hàng (P2P) và các ứng dụng blockchain. Các sáng kiến công nghệ tài chính đã đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường hòa nhập tài chính, đặc biệt là đối với những nhóm dân số chưa có tài khoản ngân hàng góp phần vào quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế không dùng tiền mặt. Tuy nhiên, những thách thức như khuôn khổ pháp lý chưa hoàn thiện, rủi ro an ninh mạng và khoảng cách về hiểu biết tài chính vẫn tiếp tục đặt ra rào cản đối với sự tăng trưởng bền vững của ngành. Do vậy, để thúc đẩy tăng trưởng công nghệ tài chính bền vững trong khi giảm thiểu rủi ro, các cơ quan quản lý và hoạch định chính sách nên áp dụng cách tiếp cận cân bằng khuyến khích đổi mới trong khi vẫn đảm bảo bảo vệ người tiêu dùng và ổn định tài chính bằng cách thực hiện các khuyến nghị được đề xuất sau đây:

Thứ nhất, tăng cường tính rõ ràng của quy định và khuôn khổ pháp lý hỗ trợ: Các cơ quan quản lý cần thiết lập các quy định rõ ràng, thích ứng và minh bạch cho các lĩnh vực công nghệ tài chính mới nổi, bao gồm tiền điện tử, cho vay ngang hàng và ngân hàng số. SBV cần mở rộng chương trình thử nghiệm theo quy định, cho phép các công ty công nghệ tài

chính thử nghiệm các giải pháp sáng tạo trong điều kiện được giám sát trước khi triển khai trên diện rộng.

Thứ hai, tăng cường các biện pháp bảo vệ người tiêu dùng và an ninh mạng: Với sự gia tăng của các giao dịch kỹ thuật số, chính phủ phải thực hiện các quy định an ninh mạng chặt chẽ hơn, yêu cầu các công ty công nghệ tài chính áp dụng các hệ thống phát hiện gian lận tiên tiến, xác thực đa yếu tố và công nghệ mã hóa dữ liệu. Các chính sách bảo vệ người tiêu dùng cần được tăng cường để ngăn chặn gian lận tài chính, vi phạm dữ liệu và trộm cắp danh tính.

Thứ ba, thúc đẩy hòa nhập tài chính thông qua phát triển cơ sở hạ tầng số: Để mở rộng dịch vụ tài chính số đến các vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa, chính phủ nên đầu tư vào việc mở rộng mạng lưới di động, khả năng truy cập internet và cơ sở hạ tầng thanh toán số. Các chính sách khuyến khích sử dụng Tiền di động và các giải pháp ngân hàng số nên được ưu tiên để tiếp cận những nhóm dân số chưa có tài khoản ngân hàng.

Thứ tư, khuyến khích đổi mới và đầu tư công nghệ tài chính có trách nhiệm: Chính phủ nên tạo điều kiện cho quan hệ đối tác công tư (PPP) để thu hút đầu tư vốn mạo hiểm vào các công ty khởi nghiệp công nghệ tài chính, đặc biệt là trong các lĩnh vực như blockchain, dịch vụ tài chính do AI thúc đẩy và các mô hình chấm điểm tín dụng thay thế. Các ưu đãi về thuế và trợ cấp có thể được đưa ra để hỗ trợ các công ty khởi nghiệp công nghệ tài chính giai đoạn đầu.

Thứ năm, cải thiện kiến thức tài chính và nhận thức số: Kiến thức tài chính vẫn là một thách thức chính trong việc áp dụng công nghệ tài chính. Các chương trình giáo dục tài chính số trên toàn quốc nên được phát triển với sự hợp tác của các ngân hàng, công ty công nghệ tài chính và các tổ chức giáo dục để giáo dục người tiêu dùng về các giao dịch số an toàn, nhận thức về an ninh mạng và các hoạt động vay có trách nhiệm.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Tài chính. (2022). Báo cáo về Fintech Regulatory Sandbox. Truy xuất từ <https://www.mof.gov.vn/>
- Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam. (2022). Chiến lược chuyển đổi số quốc gia của Việt Nam đến năm 2025. Truy cập từ <https://www.mic.gov.vn/>
- Do, Q. A., & Le, H. N. (2021). The role of fintech in financial inclusion: Evidence from Vietnam. *Journal of Asian Finance, Economics, and Business*, 8(4), 87-101.
- Đoàn Hằng. (2024). Thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số ngân hàng tiếp tục đạt kết quả tích cực. Truy cập từ <https://thitruongtaichinhthiente.vn/thanh-toan-khong-dung-tien-mat-va-chuyen-doi-so-ngan-hang-tiep-tuc-dat-ket-qua-tich-cuc-60380.html>
- Google, Temasek & Bain. (2023). e-Conomy SEA 2023: Vietnam Digital Finance Report. Retrieved from <https://www.bain.com>
- KPMG Vietnam. (2023). Vietnam Fintech Report 2023. Retrieved from <https://home.kpmg/>
- McKinsey & Company. (2022). The future of digital banking in Vietnam. Retrieved from <https://www.mckinsey.com/>
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2024). Khung quản lý Fintech Việt Nam. Truy xuất từ <https://www.sbv.gov.vn/>
- Nguyen, T. T., & Pham, D. H. (2022). Mobile payments and financial inclusion in Vietnam's rural economy. *Asian Economic Review*, 45(2), 120-135.
- Nexttrans. (2022). Vietnam Startup Industry Report 2022. Retrieved from <https://www.nexttrans.vn/resources>